

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE SINH SẢN CHO HỌC SINH TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI HIỆN NAY

Trần Trường Thi

Lớp D17CT02 - Khoa Công tác xã hội

Trường Đại học Lao động - Xã hội

thitran04122003@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu đánh giá thực trạng giáo dục sức khỏe sinh sản (SKSS) tại Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội, tập trung vào ba nhóm chỉ báo: nhận thức của học sinh, nội dung chương trình giảng dạy và phương pháp giảng dạy. Kết quả cho thấy, học sinh có nhận thức cơ bản về SKSS, nhưng kiến thức còn hạn chế, đặc biệt về biện pháp phòng tránh thai, bệnh lây truyền qua đường tình dục và kỹ năng xử lý tình huống. Chương trình giảng dạy hiện tại thiếu tài liệu tham khảo phù hợp, phương pháp giảng dạy chưa đa dạng, chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp như cải tiến nội dung giảng dạy phù hợp với lứa tuổi, tăng cường đào tạo giáo viên về kỹ năng truyền đạt và phát triển tài liệu hỗ trợ thân thiện với tâm lý học sinh. Những giải pháp này nhằm nâng cao chất lượng giáo dục SKSS, giúp học sinh trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để bảo vệ sức khỏe, phòng tránh rủi ro về tình dục và sinh sản, góp phần xây dựng thế hệ trẻ lành mạnh, tự tin.

Từ khóa: sức khỏe sinh sản; học sinh THPT; giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh THPT

THE PRESENT STATE OF REPRODUCTIVE HEALTH EDUCATION FOR STUDENTS AT HUYNH THUC KHANG HIGH SCHOOL IN HANOI

Abstract: This study evaluates the state of reproductive health education at Huynh Thuc Khang High School in Hanoi, concentrating on three categories of indicators: student awareness, curriculum content, and instructional methods. The findings indicated that while students possessed a fundamental understanding of reproductive health education, their knowledge was limited, particularly regarding contraception, sexually transmitted infections, and practical skills. The existing curriculum is deficient in suitable references, the teaching methods employed are not varied, and they fail to address practical requirements. The research suggests enhancements such as refining age-appropriate educational content, bolstering teacher training in communication skills, and creating psychologically supportive materials for students. These recommendations are intended to elevate the standard of reproductive health education, enabling students to acquire essential knowledge and skills for safeguarding their health, mitigating sexual and reproductive risks, and fostering the development of a healthy and self-assured youth population.

Keywords: Reproductive health; high school students; reproductive health education for high school students.

Mã bài báo: JHS - 264

Ngày nhận bài sửa: 07/04/2025

Ngày nhận bài: 10/03/2025

Ngày duyệt đăng: 20/04/2025

Ngày nhận phản biện: 25/03/2025

1. Đặt vấn đề

Trong nhiều thập niên qua, chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) và sức khỏe tình dục (SKTD) đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế. Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD) năm 1994 khẳng định việc bảo đảm SKSS, SKTD cho phụ nữ và trẻ em gái là ưu tiên thiết yếu, cần được gắn với giáo dục và phát triển nghề nghiệp (United Nations Population Fund, 1994). Các hội nghị đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động ICPD tiếp tục nhấn mạnh vai trò của giáo dục toàn diện về SKSS, SKTD (Comprehensive Sexuality Education - CSE) và việc cung cấp dịch vụ thân thiện (Youth Friendly Services - YFS) cho vị thành niên, thanh niên.

Tiếp nối định hướng này, Chiến lược toàn cầu về sức khỏe phụ nữ, trẻ em và vị thành niên giai đoạn 2016-2030 của Liên hợp quốc kêu gọi tăng cường đầu tư vào lĩnh vực y tế, mở rộng tiếp cận dịch vụ, và phát huy vai trò của chính quyền, nhà trường và cộng đồng trong việc chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho thế hệ trẻ.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, công nghiệp hóa và hiện đại hóa, giáo dục SKSS cho học sinh trung học phổ thông (THPT) ngày càng trở nên cấp thiết. Đây là giai đoạn các em có nhiều biến đổi tâm sinh lý, bắt đầu hình thành ý thức và hành vi tình dục. Việc được trang bị kiến thức đúng đắn về SKSS không chỉ giúp các em hiểu rõ bản thân, phát triển kỹ năng sống lành mạnh, mà còn góp phần phòng tránh các hệ lụy như mang thai ngoài ý muốn, nhiễm các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Từ đó, có khả năng tự chủ, bảo vệ sức khỏe bản thân một cách hiệu quả.

2. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Giáo dục SKSS cho học sinh THPT là một lĩnh vực liên ngành, đan xen giữa y tế, giáo dục, xã hội học và chính sách công. Trong bối cảnh hội nhập và hiện đại hóa, giáo dục SKSS không chỉ đơn thuần là trang bị kiến thức mà còn hướng đến xây dựng kỹ năng sống, thái độ tích cực và hành vi lành mạnh cho vị thành niên. Tổng quan nghiên cứu dưới đây được hệ thống theo bốn trục nội dung chính: (1) Chính sách và định hướng chiến lược; (2) Mô hình can thiệp và triển khai thực tiễn; (3) Vai trò của cộng đồng, nhà trường và phụ huynh; (4) Thách thức trong giáo dục SKSS cho học sinh THPT.

2.1.1. Chính sách và định hướng chiến lược

Sau Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD) năm 1994, giáo dục SKSS trở thành một trong những ưu tiên chính sách của nhiều quốc gia. Tại Việt Nam, một loạt các văn bản pháp lý được ban hành như Chiến lược quốc gia về chăm sóc SKSS giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 3781/QĐ-BYT (2020), Nghị quyết 20-NQ/TW và 21-NQ/TW (2017), hay các kế hoạch hành động của Bộ Giáo dục và Đào tạo đều khẳng định tầm quan trọng của giáo dục SKSS đối với thanh thiếu niên. Tuy nhiên, các chính sách trên phần lớn mới dừng lại ở định

hướng vĩ mô, chưa có các công cụ đo lường hiệu quả cụ thể ở cấp cơ sở giáo dục, đặc biệt là khối THPT. Đáng chú ý, trong nhiều văn bản, đối tượng học sinh THPT thường được gộp chung với nhóm thanh niên, dẫn đến sự thiếu chuyên biệt về mặt chương trình, phương pháp và cách tiếp cận. Đây là một khoảng trống quan trọng cần được làm rõ thông qua các nghiên cứu thực nghiệm tại các trường phổ thông.

2.1.2. Mô hình can thiệp và triển khai thực tiễn

Một số mô hình can thiệp đã được triển khai tại Việt Nam, như nghiên cứu của Trang (2020) tại huyện A Lưới cho thấy hiệu quả bước đầu trong nâng cao kiến thức và thực hành SKSS cho nữ vị thành niên. Các tài liệu hướng dẫn của Tuấn (2022), Nhiên và nnk (2017) cung cấp khung nội dung và phương pháp truyền thông phù hợp với học sinh THPT. Mặc dù vậy, phần lớn các mô hình này chưa được lượng hóa về tác động hoặc đánh giá sau can thiệp, dẫn đến thiếu bằng chứng khoa học đủ mạnh để khuyến nghị nhân rộng. Bên cạnh đó, nhiều mô hình vẫn phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ dự án hoặc tổ chức phi chính phủ, thiếu tính bền vững khi áp dụng vào hệ thống giáo dục công lập. Việc tích hợp giáo dục SKSS vào chương trình học chính khóa vẫn còn rời rạc và bị chi phối bởi các rào cản tâm lý - xã hội. Đây là thách thức cần được tiếp cận bằng các mô hình linh hoạt, dựa trên điều kiện thực tiễn của từng cơ sở giáo dục.

2.1.3. Vai trò của cộng đồng, nhà trường và phụ huynh

Nhiều nghiên cứu đã khẳng định vai trò không thể thiếu của các bên liên quan trong giáo dục SKSS. Công trình của Mai (2020) đã chỉ ra mức độ ảnh hưởng của cha mẹ trong việc hình thành thái độ và hành vi giới tính của con cái. Trong khi đó, nghiên cứu của Hải (2023) cho thấy hiệu quả của công tác xã hội khi tích hợp giáo dục SKSS trong cộng đồng người lao động di cư. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chưa đi sâu vào bối cảnh học đường - nơi đóng vai trò trung tâm trong giáo dục học sinh THPT.

Đáng chú ý, đội ngũ giáo viên, đặc biệt là giáo viên chủ nhiệm, thường thiếu kiến thức chuyên môn và kỹ năng sư phạm trong lĩnh vực giáo dục SKSS. Đồng thời, sự phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh - y tế học đường còn lỏng lẻo và thiếu cơ chế phối hợp cụ thể. Đây là điểm yếu đáng lưu ý trong thiết kế các giải pháp can thiệp mang tính hệ thống.

2.1.4. Những thách thức trong giáo dục SKSS cho học sinh THPT

Bên cạnh sự phát triển của các chính sách và mô hình hỗ trợ, giáo dục SKSS cho học sinh THPT tại Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức. Tỷ lệ mang thai ngoài ý muốn, phá thai ở tuổi vị thành niên và các hành vi tình dục không an toàn vẫn ở mức đáng báo động. Theo Bộ Y tế (2005), mỗi năm có từ 300.000 đến 400.000 ca phá thai ở nhóm tuổi 15-19, trong đó học sinh chiếm tỷ lệ đáng kể. Tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm tuổi 15-25

cũng đang có xu hướng gia tăng, đặc biệt qua đường tình dục. Các nghiên cứu như của Lan Anh (2015) tuy đã đề cập đến nội dung giáo dục giới tính và SKSS cho vị thành niên trong nhà trường và gia đình, nhưng vẫn thiên về mô tả lý luận, chưa phản ánh được mức độ hiệu quả hoặc sự phù hợp của các chương trình giáo dục hiện hành với nhu cầu thực tế của học sinh THPT. Đặc biệt, vấn đề giáo dục SKSS gắn với bình đẳng giới, quyền sinh sản, và kỹ năng ra quyết định an toàn còn chưa được quan tâm đúng mức.

2.1.5. Khoảng trống nghiên cứu và định hướng đề tài

Từ phân tích trên, có thể rút ra một số khoảng trống rõ nét trong các nghiên cứu hiện nay:

Thứ nhất, thiếu các nghiên cứu chuyên biệt đánh giá thực trạng giáo dục SKSS trong trường THPT, đặc biệt tại khu vực đô thị như Hà Nội.

Thứ hai, chưa có các mô hình đánh giá hiệu quả giáo dục SKSS dựa trên tác động đến nhận thức, thái độ và hành vi cụ thể của học sinh.

Thứ ba, sự phối hợp giữa nhà trường - phụ huynh - cộng đồng trong giáo dục SKSS chưa được nghiên cứu hệ thống.

Thứ tư, các chương trình hiện tại còn thiếu tính phù hợp với tâm lý lứa tuổi, ngôn ngữ và phương pháp sư phạm phù hợp với học sinh THPT.

Chính vì vậy, nghiên cứu “Thực trạng giáo dục SKSS cho học sinh trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội” hướng đến lấp đầy khoảng trống này bằng cách khảo sát thực tế, đánh giá mức độ hiệu quả, phân tích những yếu tố ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện cụ thể của một trường THPT tại đô thị lớn. Qua đó, nghiên cứu không chỉ góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận mà còn có giá trị ứng dụng cao trong thực tiễn giáo dục hiện nay.

2.2. Cơ sở lý luận về giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh trung học phổ thông

2.2.1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông và mối liên hệ với giáo dục sức khỏe sinh sản

Học sinh THPT đang trong giai đoạn cuối của tuổi vị thành niên, chuẩn bị chuyển tiếp sang tuổi trưởng thành. Đây là giai đoạn phát triển toàn diện và mạnh mẽ về thể chất, tâm lý, xã hội và nhận thức - những yếu tố có ảnh hưởng sâu sắc đến nhu cầu, hành vi và nguy cơ liên quan đến SKSS.

Phát triển thể chất - sinh lý: Học sinh THPT đã đạt đến mức phát triển sinh lý tương đối hoàn thiện, với đặc điểm giới tính thứ cấp rõ ràng và thể lực sung mãn. Sự trưởng thành về sinh học dẫn đến nhu cầu tự nhiên trong việc tìm hiểu, khám phá các vấn đề liên quan đến giới tính và tình dục.

Phát triển tâm lý - xã hội: Giai đoạn này đánh dấu sự hình thành rõ nét cái tôi cá nhân, nhu cầu được khẳng định bản thân và phát triển năng lực đánh giá theo chuẩn mực xã hội. Đồng thời, các em bắt đầu trải nghiệm những mối quan hệ tình cảm sâu sắc, trong đó có tình yêu khác

giới - một khía cạnh liên quan trực tiếp đến hành vi sức khỏe sinh sản.

Vai trò xã hội: Học sinh THPT bắt đầu nhận thức về vai trò công dân và ý thức về quyền, nghĩa vụ cá nhân trong xã hội. Điều này kéo theo nhu cầu được tiếp cận các thông tin chính xác, khoa học và kịp thời về SKSS nhằm bảo vệ bản thân và thực hiện hành vi tình dục an toàn, có trách nhiệm.

Việc nhận diện đặc điểm tâm - sinh lý lứa tuổi giúp xác định chính xác nhu cầu (kiến thức, kỹ năng, định hướng giá trị), thách thức (áp lực xã hội, định kiến giới, thiếu hụt thông tin chính thống) và nguy cơ (quan hệ tình dục không an toàn, mang thai ngoài ý muốn, mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục) mà học sinh THPT đang đối mặt. Đây là cơ sở quan trọng để thiết kế các chương trình giáo dục SKSS phù hợp, hiệu quả và bền vững.

2.2.2. Khái niệm và cơ sở lý thuyết về sức khỏe sinh sản và giáo dục sức khỏe sinh sản

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), sức khỏe sinh sản là “trạng thái hoàn toàn khỏe mạnh về thể chất, tinh thần và xã hội trong tất cả các khía cạnh liên quan đến hệ thống sinh sản, không đơn thuần là không có bệnh tật hay dị tật”. Bổ sung vào đó, Pháp lệnh Dân số (2003) và Bộ Y tế (2020) nhấn mạnh SKSS bao gồm quyền được sống một đời sống tình dục an toàn, lành mạnh, có khả năng sinh sản theo kế hoạch và được tiếp cận thông tin, dịch vụ chăm sóc sức khỏe đầy đủ.

Giáo dục sức khỏe sinh sản (GD SKSS) là quá trình cung cấp cho cá nhân những kiến thức, giá trị và kỹ năng cần thiết để đưa ra quyết định đúng đắn liên quan đến giới tính, SKSS và các mối quan hệ cá nhân với mục tiêu đảm bảo an toàn, sự chủ động và trách nhiệm trong hành vi (Bộ GD&ĐT, 2023). Phương pháp tiếp cận GD SKSS hiện đại bao gồm:

Lấy người học làm trung tâm, đảm bảo phù hợp với đặc điểm phát triển của từng lứa tuổi.

Kết hợp hài hòa giữa tri thức khoa học, kỹ năng sống và định hướng giá trị đạo đức.

Tích hợp nội dung GD SKSS vào chương trình giáo dục phổ thông thông qua các môn học chính khóa và hoạt động giáo dục ngoài giờ.

2.2.3. Hướng tiếp cận lý thuyết và hệ chỉ báo đánh giá thực trạng giáo dục sức khỏe sinh sản

Để đánh giá thực trạng GD SKSS một cách khách quan và có căn cứ khoa học, cần lựa chọn hướng tiếp cận thực chứng, dựa trên các lý thuyết hành vi sức khỏe như Mô hình Niềm tin sức khỏe (Health Belief Model) và Lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior). Những lý thuyết này cho phép phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức, thái độ và hành vi liên quan đến SKSS của học sinh.

Ba nhóm chỉ báo đánh giá chính bao gồm:

Nhóm 1: Nhận thức về tầm quan trọng của GD SKSS: Đo lường từ góc độ giáo viên, phụ huynh và học sinh.

Phản ánh mức độ hiểu biết, thái độ, niềm tin và nhu cầu về thông tin SKSS.

Nhóm 2: Hình thức tổ chức giáo dục SKSS:

Phân tích cách tích hợp nội dung SKSS trong chương trình chính khóa và ngoại khóa.

Đánh giá vai trò, mức độ tham gia của nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Nhóm 3: Phương pháp giảng dạy:

Xem xét việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực như trải nghiệm, mô phỏng tình huống, thảo luận nhóm.

Đánh giá hiệu quả trong việc phát triển tư duy phản biện và kỹ năng sống liên quan đến SKSS.

2.2.4. Mục tiêu và nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh THPT

Mục tiêu giáo dục SKSS ở cấp THPT gồm:

Cung cấp kiến thức khoa học về sinh lý, giới tính và sinh sản ở tuổi dậy thì.

Hình thành thái độ đúng đắn, tích cực và có trách nhiệm trong các mối quan hệ tình cảm và tình dục.

Trang bị kỹ năng sống thiết yếu như giao tiếp, ra quyết định, tự bảo vệ và phòng tránh bạo lực giới.

Nội dung cốt lõi của GD SKSS gồm:

Quá trình phát triển sinh lý, giới tính và những thay đổi trong tuổi dậy thì.

Các phương pháp tránh thai và phòng ngừa bệnh lây qua đường tình dục.

Xây dựng các mối quan hệ lành mạnh, dựa trên sự tôn trọng và đồng thuận.

Kiến thức về mang thai an toàn và làm cha mẹ có trách nhiệm.

Quyền SKSS theo pháp luật Việt Nam.

2.2.5. Hình thức và phương pháp triển khai giáo dục sức khỏe sinh sản trong trường THPT:

GD SKSS trong trường THPT được triển khai linh hoạt qua nhiều hình thức:

Trong lớp học: Lồng ghép nội dung vào các môn học như Sinh học, Giáo dục công dân, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp.

Ngoài giờ học: Thông qua các câu lạc bộ, hoạt động ngoại khóa, truyền thông trực tiếp.

Ứng dụng công nghệ: Khai thác hiệu quả tài liệu số, mạng xã hội, trò chơi hóa nội dung học tập để tăng tính tương tác.

Hợp tác gia đình và cộng đồng: Tăng cường kết nối giữa nhà trường với phụ huynh, chuyên gia y tế, tổ chức xã hội nhằm mở rộng phạm vi và chiều sâu tác động giáo dục.

2.2.6. Tính cấp thiết của giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh THPT

Thực tiễn cho thấy, học sinh THPT hiện nay đang đối mặt với nhiều rủi ro do thiếu hụt kiến thức, kỹ năng và thái độ đúng đắn về SKSS. Tỷ lệ mang thai ngoài ý muốn và nạo phá thai ở tuổi vị thành niên vẫn ở mức cao, cho thấy nhu cầu cấp bách phải tăng cường giáo dục trong lĩnh vực này. Sự thiếu vắng GD SKSS không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến

sức khỏe thể chất, mà còn để lại hệ lụy về tâm lý, học tập và tương lai nghề nghiệp của các em. Ngược lại, một chương trình GD SKSS hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng sống, bảo vệ quyền lợi và sức khỏe sinh sản của học sinh, đồng thời tạo nền tảng cho thế hệ trẻ phát triển toàn diện, sống tích cực và có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Để tài sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu nhằm xây dựng cơ sở lý luận và khung phân tích cho nghiên cứu. Cụ thể, tác giả tiến hành thu thập, chọn lọc và phân tích các tài liệu khoa học như sách, giáo trình, công trình nghiên cứu, báo cáo, văn bản pháp luật và các tài liệu tham khảo có liên quan đến giáo dục SKSS ở lứa tuổi THPT.

3.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Để đánh giá thực trạng giáo dục SKSS tại Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (Hà Nội), đề tài sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi cấu trúc. Bảng hỏi được phát ngẫu nhiên cho 300 học sinh của trường, không phân biệt độ tuổi, lớp học, giới tính hay trình độ học vấn. Nội dung bảng hỏi tập trung vào các khía cạnh: mức độ nhận thức về SKSS, sự cần thiết của GD SKSS, hình thức và phương pháp giáo dục đang được triển khai, kỹ thuật giảng dạy, tài liệu sử dụng và mức độ tiếp cận của học sinh đối với các hoạt động giáo dục giới tính tại trường.

3.3. Phương pháp phỏng vấn sâu: Nhằm bổ sung và làm rõ các phát hiện từ dữ liệu định lượng, tác giả tiến hành phỏng vấn sâu với hai nhóm đối tượng chính:

Nhóm giáo viên: gồm các thầy cô tham gia tổ chức hoạt động giáo dục SKSS tại trường. Nội dung phỏng vấn tập trung vào: hình thức triển khai, phương pháp - kỹ thuật sử dụng, nội dung giảng dạy, hiệu quả đạt được, khó khăn gặp phải và các đề xuất cải tiến.

Nhóm học sinh: gồm những học sinh đã từng tham gia các hoạt động giáo dục giới tính tại trường. Các em được phỏng vấn về cảm nhận, mức độ tiếp thu, rào cản tâm lý hoặc sức khỏe gặp phải, cũng như đánh giá về nội dung và cách tổ chức chương trình GD SKSS hiện nay.

Tổng cộng có 10 cuộc phỏng vấn và thảo luận nhóm được thực hiện nhằm thu thập dữ liệu định tính phục vụ phân tích chuyên sâu và đề xuất giải pháp phù hợp.

3.4. Phương pháp xử lý thông tin: Dữ liệu thu thập từ bảng hỏi và phỏng vấn được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel và SPSS (Statistical Package for the Social Sciences). Trong đó:

Excel được sử dụng để nhập, mã hóa dữ liệu và xử lý sơ bộ.

SPSS hỗ trợ phân tích thống kê mô tả như tính tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình nhằm rút ra các đặc điểm phân bố dữ liệu và mối liên hệ giữa các biến.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Khái quát về trường trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội

Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội, thành lập năm 1996, với 28 năm phát triển, đã đào tạo nhiều

thể hệ học sinh xuất sắc. Trường có 1193 học sinh, 85 giáo viên, nhân viên giàu kinh nghiệm, giảng dạy trong 7 tổ chuyên môn và các tổ hỗ trợ. Cơ sở vật chất hiện đại, chú trọng giáo dục toàn diện, tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Học sinh có thành tích học tập cao, tích cực tham gia các kỳ thi và hoạt động ngoại khóa. Các em rèn luyện kỹ năng mềm, sống có trách nhiệm, đoàn kết, có nhận thức tốt về sức khỏe. Môi trường học tập đa dạng, thân thiện, giúp học sinh phát triển toàn diện. Nhà trường định hướng trở thành cơ sở đào tạo chất lượng cao, đề cao giá trị Đức - Trí - Thể - Mỹ.

4.2. Thực trạng giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh trường trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng, thành phố Hà Nội

Đặc điểm của nhóm khách thể khảo sát:

Học sinh: 300 học sinh tham gia khảo sát, chiếm 86,5% tổng số đối tượng khảo sát. Đối tượng học sinh được phân bố đồng đều về giới tính, độ tuổi và các lớp học khác nhau, nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu nghiên cứu. Các em chủ yếu ở độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi, thuộc các lớp 10, 11 và 12; Giáo viên: 30 giáo viên tham gia khảo sát, chiếm 8,6% tổng số đối tượng khảo sát. Giáo viên tham gia có trình độ chuyên môn đa dạng, với các môn giảng dạy khác nhau (Sinh học, Giáo dục công dân, Đạo đức v.v...). Trong đó, phần lớn có ít nhất 5 năm kinh nghiệm giảng dạy. Các giáo viên được lựa chọn đều có tham gia giảng dạy hoặc tổ chức các hoạt động giáo dục SKSS tại trường; phụ huynh: 10 phụ huynh học sinh tham gia khảo sát, chiếm 2,9% tổng số đối tượng khảo sát. Phụ huynh tham gia có trình độ học vấn đa dạng, từ phổ thông đến đại học, với độ tuổi chủ yếu từ 35 đến 50. Các phụ huynh này có con em học tại các lớp 10, 11 và 12 của trường; Chuyên gia CTXH: 5 chuyên gia công tác

xã hội tham gia khảo sát, chiếm 1,4% tổng số đối tượng khảo sát. Giảng viên CTXH: 2 giảng viên CTXH tham gia khảo sát, chiếm 0,6% tổng số đối tượng khảo sát. Các giảng viên này đều có trình độ thạc sĩ và đã giảng dạy trong các trường đại học, chuyên về các lĩnh vực giáo dục sức khỏe, giới tính và CTXH.

Bảng 1. Số lượng người tham gia khảo sát

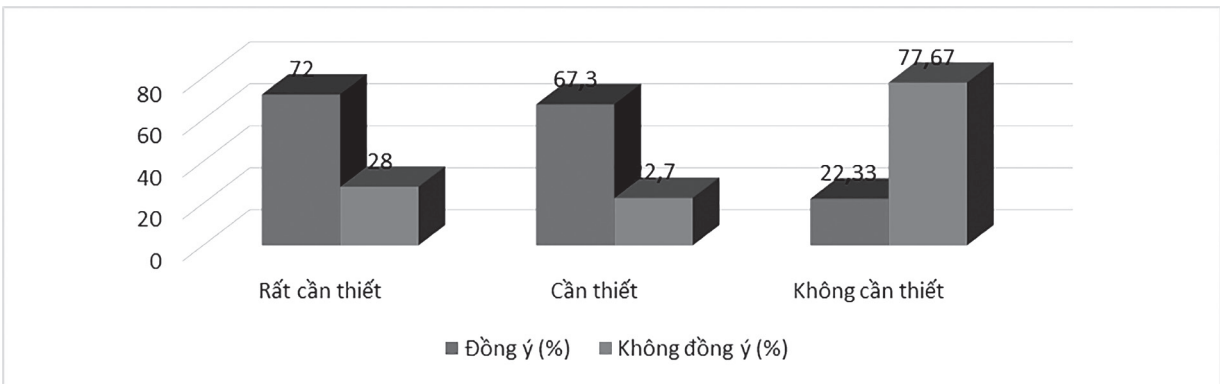
Số lượng học sinh	Số lượng giáo viên	Phụ huynh học sinh	Chuyên gia CTXH	Giảng viên CTXH
300	30	10	5	2

Nguồn: Số liệu khảo sát 2024

Bảng 1 cho thấy tổng cộng 347 người tham gia khảo sát, trong đó học sinh chiếm đa số với 300 người (86,5%), tiếp theo là 30 giáo viên (8,6%), 10 phụ huynh (2,9%), 5 chuyên gia CTXH (1,4%) và 2 giảng viên CTXH (0,6%). Quy mô mẫu học sinh lớn đảm bảo tính đại diện cho đối tượng chính của nghiên cứu, phản ánh nhận thức và nhu cầu về giáo dục SKSS từ phía học sinh. Số lượng giáo viên tham gia khảo sát đủ để thu thập ý kiến về các phương pháp giảng dạy, cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục SKSS trong trường học. Mặc dù số lượng phụ huynh, chuyên gia CTXH và giảng viên CTXH có phần hạn chế, nhưng đây là nhóm khách thể đóng góp các góc nhìn đa diện về công tác giáo dục SKSS, đảm bảo tính toàn diện cho nghiên cứu. Tuy nhiên, sự hạn chế về số lượng của các nhóm này có thể ảnh hưởng đến độ chi tiết của các phân tích chuyên môn liên quan.

Nhận thức về sự cần thiết của GD SKSS: giáo viên, phụ huynh và học sinh đều đánh giá giáo dục SKSS là quan trọng. Kết quả khảo sát cho thấy:

Hình 1. Biểu đồ thể hiện ý kiến của học sinh về sự cần thiết GD SKSS cho học sinh



Nguồn: Số liệu khảo sát 2024

Hình 1 thể hiện mức độ đồng ý của học sinh trường THPT Huỳnh Thúc Kháng về GD SKSS qua ba mức đánh giá: rất cần thiết, cần thiết và không cần thiết. Số liệu cho thấy 72% học sinh đồng ý rằng GD SKSS là rất cần thiết, trong khi 28% không đồng ý. Ở mức “cần thiết”,

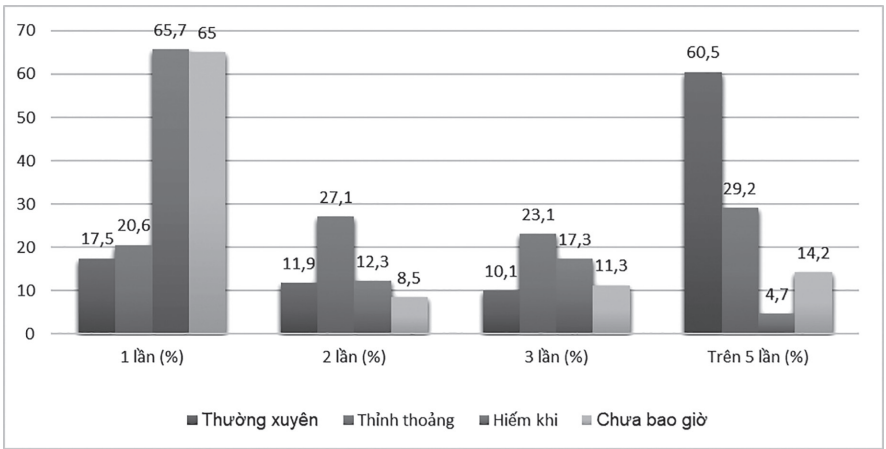
67,3% học sinh đồng ý và 22,7% không đồng ý; còn ở mức “không cần thiết”, 77,67% không đồng ý và 22,33% đồng ý. Xu hướng này cho thấy sự đồng thuận cao về tầm quan trọng của GD SKSS, đặc biệt ở mức “rất cần thiết” (72% đồng ý so với 28% không đồng ý), nhưng tỷ lệ không đồng

ý lại tăng lên ở mức “không cần thiết” (77,67%). Điều này cho thấy đa số học sinh không đồng tình về ý kiến cho rằng GD SKSS không quan trọng. Kết quả này phản ánh nhận thức tích cực của học sinh, phù hợp với đặc điểm năng động, ý thức học tập cao của trường. Tuy nhiên, tỷ lệ không đồng ý (28% ở mức “rất cần thiết”, 22,7% ở mức “cần thiết”) chỉ ra một bộ phận học sinh có thể e ngại hoặc

chưa thấy giá trị thực tiễn của SKSS, như nghiên cứu đã nêu về sự thụ động và nội dung khô khan.

Mức độ quan tâm của học sinh về giáo dục sức khỏe sinh sản: Biểu đồ 2 dưới đây thể hiện mức độ quan tâm của học sinh đối với GD SKSS, cung cấp cái nhìn tổng quan về nhận thức và sự chú ý của các em đối với chủ đề này.

Hình 2. Biểu đồ thể hiện mức độ quan tâm đến GD SKSS của học sinh



Nguồn: Số liệu khảo sát 2024

Hình 2 cho thấy mức độ quan tâm của học sinh đến GD SKSS với 60,5% học sinh thường xuyên quan tâm sau khi tìm hiểu hơn 5 lần, trong khi 65,7% học sinh chỉ tìm hiểu một lần và hiếm khi chú ý. Các nhóm học sinh tìm hiểu từ 2-3 lần có mức quan tâm thấp hơn và không được nêu cụ thể. Sự phân hóa này thể hiện rõ rệt hai xu hướng: nhóm tích cực (60,5%) đối lập với nhóm thụ động (65,7%), với tỷ lệ cao học sinh ít quan tâm (hiếm khi chú ý), cho thấy phần lớn học sinh chưa duy trì sự chú ý, và mức độ quan tâm giảm khi tần suất tìm hiểu thấp. Kết quả này phản ánh mục tiêu nghiên cứu về thực trạng nhận thức SKSS, ghi nhận thành tựu ở nhóm học sinh năng động của THPT Huỳnh Thúc Kháng, nhưng cũng chỉ ra một hạn chế lớn: chương trình giáo dục SKSS hiện tại còn khô khan, thiếu hấp dẫn. Điều này khiến nhiều học sinh cảm thấy e ngại hoặc không hứng thú, như nghiên cứu đã nêu về tính lý thuyết và sự thụ động trong chương trình giáo dục hiện tại. Số liệu gợi ý cần thiết kế các hoạt động giáo dục đa dạng hơn, chẳng hạn như hội thảo, video, hoặc câu lạc bộ, nhằm tăng tần suất tiếp xúc và khuyến khích nhóm học sinh (65,7%) tham gia tích cực hơn.

Nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản trong chương trình học: GD SKSS chủ yếu được lồng ghép vào các môn Sinh học và Giáo dục công dân. Tuy nhiên, nội dung của các bài học này hiện tại chủ yếu mang tính lý thuyết, thiếu sự chuyên sâu và không phản ánh đầy đủ thực tiễn cần thiết trong việc giáo dục về SKSS cho học sinh.

Bảng 2. Thống kê GD SKSS cho học sinh ở các môn học trong chương trình

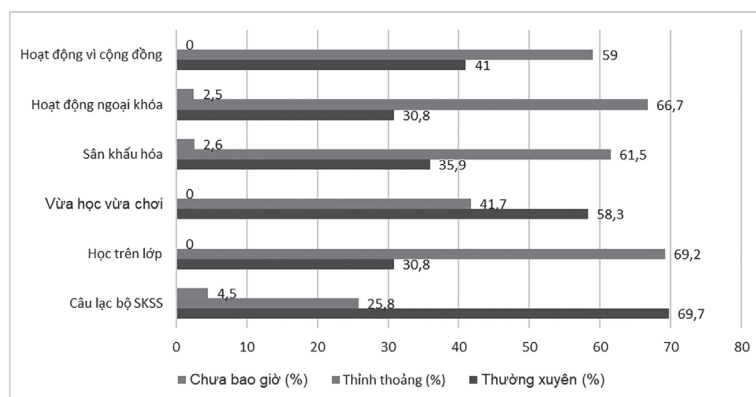
Môn học	Chủ đề GD SKSS tích hợp
Sinh học	Hệ sinh sản nam - nữ, quá trình thụ thai, tránh thai, bệnh STDs
GDCD	Quyền SKSS, trách nhiệm cá nhân, pháp luật về SKSS

Nguồn: Số liệu khảo sát 2024

Bảng 2 chỉ ra rằng, nội dung giáo dục SKSS được tích hợp vào môn Sinh học, bao gồm các chủ đề về hệ sinh sản, quá trình thụ thai, biện pháp tránh thai và bệnh lây truyền qua đường tình dục, trong khi môn Giáo dục công dân tập trung vào các khía cạnh về quyền, trách nhiệm cá nhân và pháp luật liên quan đến SKSS. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy rằng 63% học sinh cảm thấy nội dung giáo dục SKSS còn thiếu sự sâu sắc và thực tiễn. Chỉ 37% học sinh đánh giá chương trình giáo dục hiện tại có sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực hành. Sự thiếu chiều sâu thực tiễn này thể hiện qua việc giáo viên chỉ tập trung chủ yếu vào các lý thuyết về sinh lý học, quyền lợi và pháp luật mà không cung cấp đủ các kỹ năng thực tế như kỹ năng giao tiếp, nhận thức về cảm xúc, và cách đối phó với các tình huống liên quan đến SKSS. Hơn nữa, 48% học sinh cho biết họ chưa được tham gia vào các hoạt động thực hành hoặc mô phỏng tình huống liên quan đến SKSS, như hội thảo hay các câu lạc bộ thảo luận về vấn đề này.

Các hình thức giáo dục sức khỏe sinh sản: GD SKSS được tổ chức thông qua nhiều hình thức, nhưng chủ yếu vẫn là trên lớp, chưa phát huy mạnh các phương pháp sáng tạo.

Hình 3. Biểu đồ thể hiện hình thức tổ chức GD SKSS cho học sinh học sinh



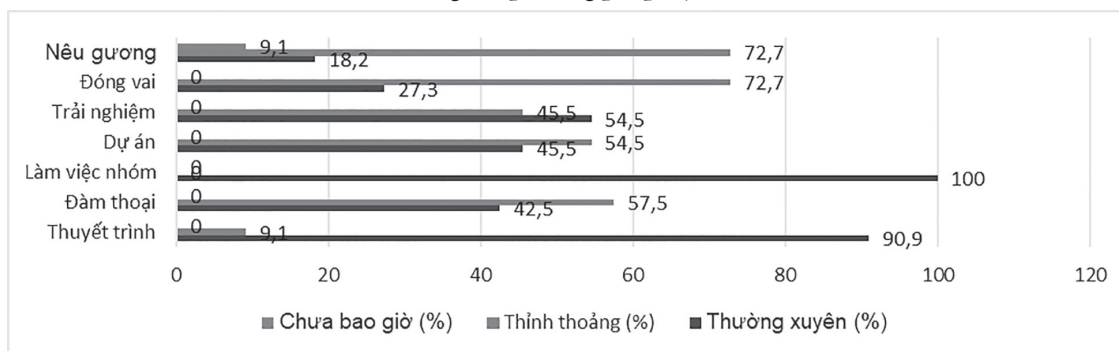
Nguồn: Số liệu khảo sát 2024

Hình 3 chỉ ra giảng dạy trên lớp chiếm 90% trong các hình thức GD SKSS, trong khi sân khấu hóa đạt 45,5% và câu lạc bộ chỉ 30%, không đề cập các hình thức khác như hội thảo. Xu hướng phụ thuộc vào giảng dạy trên lớp nổi bật, nhưng tỷ lệ sân khấu hóa và câu lạc bộ thấp hơn đáng kể, cho thấy sự thiếu cân bằng, với các hình thức tương tác bị lu mờ bởi phương pháp truyền thống, dù học sinh

trường vốn tham gia ngoại khóa tích cực.

Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy giáo dục sức khỏe sinh sản: GV chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình (90,9%) và làm việc nhóm (100%), trong khi các phương pháp như đóng vai (30%), sân khấu hóa (45,5%) chưa được áp dụng phổ biến.

Hình 4. Biểu đồ thể hiện mức độ vận dụng các phương pháp, kỹ thuật khi GD SKSS cho học sinh của GV



Nguồn: Số liệu khảo sát 2024

Hình 4 trình bày các phương pháp giảng dạy SKSS, với thuyết trình đạt 90,9% và làm việc nhóm đạt 100%, cho thấy sự phổ biến của các phương pháp truyền thống và hợp tác, phù hợp với kỹ năng làm việc nhóm nổi bật của học sinh THPT Huỳnh Thúc Kháng. Tuy nhiên, phương pháp đóng vai chỉ được áp dụng ở mức 30%, phản ánh sự thiếu đa dạng trong cách tiếp cận giảng dạy. Phân tích chi tiết, mức độ cao của thuyết trình và làm việc nhóm có thể hiệu quả trong việc truyền đạt kiến thức lý thuyết và khuyến khích thảo luận, nhưng sự hạn chế của đóng vai làm giảm cơ hội thực hành kỹ năng thực tế, như xử lý tình huống liên quan đến SKSS, vốn rất cần thiết cho học sinh ở độ tuổi vị thành niên.

4.3. Đánh giá giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh trường trung học phổ thông Huỳnh Thúc Kháng, thành phố Hà Nội hiện nay

Thành tựu đạt được: GD SKSS cho học sinh trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội đã nhận được sự quan

tâm và đầu tư đáng kể, với nhiều loại hình, phương pháp và kỹ thuật giáo dục mới. Cả giáo viên và học sinh đều nhận thức rõ về vai trò của GD SKSS trong việc trang bị kiến thức cơ bản để phòng tránh các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục, tránh mang thai ngoài ý muốn, và bảo vệ SKSS. Điều này không chỉ góp phần vào việc GDSK vị thành niên mà còn hỗ trợ học sinh có trách nhiệm hơn trong việc xây dựng một xã hội văn minh và phát triển. Giáo viên đã áp dụng nhiều hình thức, phương pháp và kỹ thuật giảng dạy hiện đại, từ việc sử dụng các hoạt động giáo dục sinh động như chơi mà học, học mà chơi, sân khấu hóa, tổ chức cuộc thi, hội thi đến sinh hoạt tập thể. Các hoạt động này đã giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách trực quan và sinh động, từ đó đạt được mục tiêu giáo dục về SKSS. Giáo viên cũng đã định hướng cho học sinh thực hiện các hoạt động giáo dục có sản phẩm cụ thể, và nhiều hoạt động đã được đưa tin, truyền thông trên các phương tiện đại chúng, tăng cường hiệu quả truyền tải kiến thức.

Hạn chế

Mặc dù GD SKSS ở Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng đã đạt được một số thành tựu, nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế cần được cải thiện:

Về nội dung: Chương trình giáo dục SKSS hiện tại vẫn còn thiên về lý thuyết, thiếu tính chuyên sâu và thực tế. Các bài học chủ yếu cung cấp thông tin chung chung mà chưa lồng ghép các kỹ năng thực tế cho học sinh, khiến nội dung chưa thật sự hấp dẫn và dễ tiếp thu.

Về phương pháp giảng dạy: Giáo viên chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, và các hình thức học lý thuyết trong lớp. Hình thức giảng dạy này đôi khi không tạo được hứng thú cho học sinh và chưa khuyến khích học sinh tham gia tích cực vào các hoạt động học tập.

Về học sinh: Nhiều học sinh có tâm lý thụ động, cho rằng GD SKSS không quan trọng hoặc học chỉ để cho có. Tỷ lệ học sinh không nghiêm túc trong việc tìm hiểu và tham gia vào các hoạt động giáo dục là một hạn chế lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả của chương trình giáo dục này.

Nguyên nhân: Các nguyên nhân của những hạn chế trên có thể được phân loại như sau:

Về chương trình và nội dung: Chương trình GD SKSS hiện tại vẫn thiên về lý thuyết và thiếu tính thực tiễn. Nội dung của chương trình chủ yếu xoay quanh các khái niệm về sinh lý học và pháp luật, mà thiếu sự kết hợp với các kỹ năng sống, điều này khiến cho học sinh cảm thấy thiếu hấp dẫn.

Về giáo viên: Mặc dù giáo viên có sự quan tâm và nỗ lực trong việc giảng dạy, nhưng nhiều giáo viên vẫn gặp khó khăn trong việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật mới, chưa sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các phương tiện hỗ trợ dạy học hiện đại. Một số giáo viên chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để giảng dạy về vấn đề nhạy cảm này.

Về học sinh: Tâm lý tuổi dậy thì, sự e ngại về các vấn đề SKSS, và sự thiếu hụt các phương pháp giáo dục hấp dẫn khiến học sinh ít quan tâm và chưa tham gia tích cực vào việc học GD SKSS. Học sinh thường có thái độ học “cho có”, không coi trọng môn học này vì chưa thấy rõ được giá trị thực tiễn của nó.

Vấn đề cần giải quyết:

Khắc phục hạn chế về nội dung và phương pháp giáo dục: Cần phải đổi mới nội dung giáo dục SKSS, tăng cường các bài học thực hành và kỹ năng, giúp học sinh dễ dàng áp dụng vào cuộc sống. Việc sử dụng các hình thức giáo dục như hội thảo, câu lạc bộ, video hoặc các chương trình mô phỏng tình huống thực tế sẽ giúp học sinh tiếp thu hiệu quả hơn.

Đổi mới phương pháp giảng dạy: Giáo viên cần được đào tạo để áp dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, linh hoạt, bao gồm việc sử dụng công nghệ thông tin, ứng dụng đa dạng hình thức dạy học (sân khấu hóa, mô phỏng tình huống, thảo luận nhóm...) để thu hút sự tham gia của học sinh.

Đào tạo giáo viên và nâng cao nhận thức cho học sinh: Cần có các chương trình đào tạo nâng cao cho giáo viên về kiến thức và phương pháp dạy GD SKSS, đặc biệt là các kiến thức về kỹ năng sống và sức khỏe sinh sản. Đồng thời, cần nâng cao nhận thức cho học sinh về sự quan trọng của giáo dục SKSS, khuyến khích các em tham gia

tích cực vào các hoạt động giáo dục và tạo ra các kênh học tập hấp dẫn.

Xây dựng chương trình giáo dục theo hướng toàn diện: Chương trình GD SKSS cần được xây dựng một cách đồng bộ và khoa học, bao gồm cả nội dung lý thuyết và các kỹ năng thực tế, đồng thời phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa các bộ môn khác nhau, tạo ra một môi trường học tập tích cực và chủ động cho học sinh.

4.4. Đề xuất giải pháp giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh THPT Huỳnh Thúc Kháng, thành phố Hà Nội hiện nay

4.4.1. Giải pháp về nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội

Nguyên tắc xây dựng nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản

Khi xây dựng nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh, cần đảm bảo các nguyên tắc khoa học sau:

Tính chính xác và cập nhật: Nội dung giáo dục phải phản ánh những nghiên cứu mới nhất về sức khỏe sinh sản, đồng thời được cập nhật theo các hướng dẫn từ Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tính phù hợp với tâm lý lứa tuổi: Nội dung phải được thiết kế sao cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh THPT, giúp học sinh dễ dàng tiếp nhận mà không gây áp lực hay lo lắng.

Tính thực tiễn và ứng dụng cao: Nội dung cần kết hợp lý thuyết với các tình huống thực tiễn, giúp học sinh có thể vận dụng vào cuộc sống hàng ngày.

Tính toàn diện: Nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản không chỉ bao gồm các khía cạnh sinh học mà cần bao quát các yếu tố tâm lý, xã hội và đạo đức liên quan đến sức khỏe sinh sản.

Các định hướng nội dung giáo dục sức khỏe sinh sản:

Dựa trên các nguyên tắc trên, chương trình giáo dục SKSS cho học sinh trường THPT Huỳnh Thúc Kháng sẽ bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Kiến thức về sự phát triển sinh lý và tâm lý tuổi dậy thì: Cung cấp thông tin về sự thay đổi cơ thể, sự phát triển hệ sinh sản và các yếu tố tâm lý đi kèm trong giai đoạn tuổi dậy thì.

Giáo dục về giới tính và tình dục an toàn: Hướng dẫn học sinh các vấn đề về giới tính, tình yêu tuổi học trò, phòng tránh thai, bệnh lây truyền qua đường tình dục và hậu quả của quan hệ tình dục không an toàn.

Kỹ năng bảo vệ bản thân và từ chối: Hướng dẫn học sinh cách bảo vệ mình trong các tình huống nguy hiểm như xâm hại tình dục và ép buộc trong mối quan hệ.

Trách nhiệm cá nhân và đạo đức trong các mối quan hệ: Giúp học sinh nhận thức về trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và cộng đồng trong các mối quan hệ tình yêu, hôn nhân và gia đình.

Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản: Hướng dẫn học sinh duy trì lối sống lành mạnh, chăm sóc SKSS và giới thiệu các dịch vụ tư vấn hỗ trợ.

4.4.2. Giải pháp về phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh

Tổ chức hoạt động trải nghiệm và sinh hoạt ngoại khóa: Việc áp dụng các hoạt động trải nghiệm và sinh hoạt ngoại khóa sẽ giúp học sinh tiếp cận kiến thức SKSS một cách tự nhiên và dễ dàng. Một số hình thức phù hợp gồm:

Câu lạc bộ “Nhân văn bình đẳng giới và sức khỏe vị thành niên”: Câu lạc bộ là nơi học sinh trao đổi và thảo luận về các vấn đề giới tính và sức khỏe sinh sản. Hoạt động của câu lạc bộ sẽ bao gồm các buổi thảo luận, hội thảo và các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng.

Diễn đàn giáo dục sức khỏe sinh sản: Đây là nơi học sinh có thể bày tỏ ý kiến về các vấn đề liên quan đến giới tính, tình dục và SKSS. Diễn đàn giúp học sinh rèn luyện kỹ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề, đồng thời cũng là cơ hội để giáo viên và phụ huynh hiểu rõ hơn về tâm tư, nguyện vọng của học sinh.

Sân khấu tương tác: Là một hoạt động nghệ thuật dựa trên kịch bản do học sinh sáng tạo, giúp các em nâng cao khả năng giải quyết tình huống, tư duy phản biện và sáng tạo trong các tình huống thực tế liên quan đến SKSS.

Hội thi/cuộc thi về sức khỏe sinh sản: Các hội thi như vẽ tranh, viết bài, đố vui hoặc kể chuyện có thể giúp học sinh tham gia một cách chủ động, phát triển tài năng và hứng thú học tập về SKSS.

4.4.3. Giải pháp về công cụ hỗ trợ học tập: Sổ tay giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh

Sổ tay giáo dục sức khỏe sinh sản là một công cụ quan trọng giúp học sinh nắm bắt kiến thức một cách dễ dàng và tiện lợi. Sổ tay này sẽ bao gồm các thông tin khoa học về SKSS, các biện pháp phòng ngừa bệnh lý và hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cá nhân. Ngoài ra, sổ tay còn cung cấp các kỹ năng sống, hướng dẫn các kỹ năng ra quyết định và xây dựng mối quan hệ lành mạnh. Việc xây dựng sổ tay cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên, chuyên gia y tế và học sinh để đảm bảo tính chính xác và thiết thực.

4.4.4. Giải pháp liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục sức khỏe sinh sản

Chuyển đổi số là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả GD SKSS. Các giải pháp công nghệ sẽ giúp học sinh tiếp cận kiến thức một cách sinh động và hấp dẫn hơn. Một số giải pháp cụ thể bao gồm:

Số hóa nội dung giáo dục: Tạo ra các tài liệu số như e-books, video giáo dục, ứng dụng di động và trò chơi trực tuyến giúp học sinh dễ dàng tiếp cận và học hỏi kiến thức về SKSS.

Học trực tuyến và hội thảo trực tuyến: Các lớp học trực tuyến và hội thảo trực tuyến sẽ tăng cường tính tương tác và tạo cơ hội học tập linh hoạt cho học sinh.

Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và thực tế ảo (VR/AR): AI có thể hỗ trợ trong việc cá nhân hóa quá trình học tập, trong khi VR/AR sẽ tạo ra các trải nghiệm thực tế ảo giúp học sinh thực hành các tình huống liên quan đến SKSS.

Kết luận

Kết quả nghiên cứu về GD SKSS tại Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng cho thấy nhận thức và hiểu biết của học sinh về các vấn đề vẫn còn nhiều hạn chế. Nhiều học sinh chưa nắm rõ các kiến thức cơ bản về sinh lý, giới tính, và các vấn đề liên quan đến tình dục, điều này ảnh hưởng đến khả năng tự bảo vệ bản thân và xây dựng mối quan hệ lành mạnh. Do đó, việc tăng cường các chương trình GD SKSS để nâng cao nhận thức và kiến thức cho học sinh là vô cùng cần thiết. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy hiện tại còn thiếu tính hiệu quả, chưa tạo được sự tương tác tích cực và sự tham gia của học sinh. Giáo viên cần được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên môn và kỹ năng giảng dạy phù hợp với lứa tuổi học sinh để giúp họ dễ dàng tiếp thu thông tin. Hơn nữa, sự phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh và cộng đồng trong công tác GD SKSS vẫn còn hạn chế, trong khi đây là yếu tố quan trọng để tạo ra một môi trường học tập hiệu quả. Để giải quyết những vấn đề này, cần phải có sự cải tiến mạnh mẽ trong các hoạt động GD SKSS tại trường. Nhà trường cần xây dựng chương trình GD SKSS toàn diện, phù hợp với độ tuổi học sinh. Đào tạo giáo viên và tạo môi trường học an toàn là điều quan trọng để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Hợp tác chặt chẽ với phụ huynh và cộng đồng cũng sẽ góp phần vào việc giúp học sinh có cái nhìn đúng đắn và phát triển mối quan hệ lành mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2020). *Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Công văn số 4557/BGDĐT-GDTH về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học năm học 2023-2024*. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Sổ tay hướng dẫn chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên nữ trong các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Bộ Y tế. (2020). *Quyết định số 3781/QĐ-BYT về kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2020-2025*. Hà Nội.
- Đặng, T. L. A. (2015). *Giáo dục sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản vị thành niên trong gia đình* [Luận án tiến sĩ]. Học viện Phụ nữ Việt Nam.
- Đào, N. D. T. (2020). *Nghiên cứu thực trạng sức khỏe sinh sản và đánh giá hiệu quả của mô hình can thiệp ở nữ vị thành niên huyện miền núi A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế* [Luận án tiến sĩ]. Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế.
- Đinh, A. T., Trần, Đ. K., Tống, T. H., Vũ, T. T. M., & Đỗ, T. T. (2023). *Hướng dẫn truyền thông trực tiếp về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên: Ban hành kèm theo Quyết định số 2885/QĐ-BYT ngày 22 tháng 10 năm 2022*. Nhà xuất bản Lao động.
- Hồng, K. T. (2003). *Adolescent reproductive health in Vietnam: Status, policies, programs, and issues*. Viện Xã hội học.
- Lê, T. P. H. (2023). *Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với nữ công nhân nhập cư từ thực tiễn tỉnh Bình Dương* [Luận án tiến sĩ]. Trường Đại học Thủ Dầu Một.
- Ngô, T. T. M. (2020). *Hỗ trợ cha mẹ trong giáo dục sức khỏe sinh sản cho con ở tuổi vị thành niên tại Hà Nội* [Luận án tiến sĩ]. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, D. N., & cộng sự. (2017). *Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh trung học phổ thông: Tài liệu tổ chức hoạt động và trải nghiệm sáng tạo*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Pháp lệnh dân số. (2003). *Pháp lệnh dân số*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Tuấn, Đ. A. (2022). *Hướng dẫn truyền thông về sức khỏe sinh sản và kỹ năng sống cho vị thành niên*. Nhà xuất bản Thanh Niên.
- United Nations Population Fund. (1994). *Programme of Action of the International Conference on Population and Development (ICPD)*. United Nations. <https://www.unfpa.org/icpd>